TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **09**/2019/DS-ST
Ngày: 05-7-2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ - TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chiêm Ngọc Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Huy Tùng.

2/ Ông Nguyễn Văn Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Thị Sa The - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lý Út Hoài - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05/7/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 106/2018/TLST-DS ngày 12/12/2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2019/QĐXXST-DS ngày 27/5/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Quách Hoàng Q, sinh năm 1977 (có mặt).

Địa chỉ: Số 124 ấp C, xã A, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: Ông Thái Văn V, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 310, ấp C, xã A, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

– Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/11/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Quách Hoàng Q trình bày: Vào ngày 16/01/2018 ông Thái Văn V có vay của ông Q 30.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng, có làm biên nhận, thỏa thuận đóng lãi hàng tháng ngày 17. Sau khi vay ông V đóng lãi cho ông Q được 4 tháng, mỗi tháng 3.000.000 đồng, tổng cộng đóng lãi được 12.000.000 đồng, kể từ tháng 5/2018 đến nay, ông V không đóng lãi nữa. Ông Q có đến gặp ông V đòi tiền nhưng ông V không trả.

Ông Q yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông V trả cho ông số tiền vốn gốc 30.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 17/5/2018 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa, ông Q yêu cầu không yêu cầu ông V trả lãi từ tháng 5/2018 đến nay và đồng ý khấu trừ số tiền lãi mà ông V đã đóng vượt mức quy định trong 04 tháng vào vốn gốc. Ông Q yêu cầu ông V trả vốn vay là 19.740.030 đồng.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Thái Văn V, nhưng ông V không có văn bản trình bày ý kiến, không đến Tòa án cung cấp lời khai, không đến tham dự buổi hòa giải cũng như không đến phiên tòa để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông Q.

Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng sự chấp hành pháp luật của bị đơn chưa đúng quy định của pháp luật và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tòa án đã tống đạt hợp lệ Giấy triệu tập xét xử đến lần thứ hai cho ông Thái Văn V nhưng ông V vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông V.

[2] Xét đơn khởi kiện ông Quách Hoàng Q về việc yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Thái Văn V trả số tiền vốn vay và lãi phát sinh, vì theo ông Q thì ngày 16/01/2018 ông có cho ông V vay 30.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 10%/tháng, trả lãi hàng tháng vào ngày 17. Khi vay tiền ông V có làm biên nhận. Sau khi vay ông V đóng lãi cho ông Q được 04 tháng, mỗi tháng 3.000.000 đồng, tổng cộng là 12.000.000 đồng, kể từ tháng 5/2018 đến nay, ông V không đóng lãi nữa, ông Q có đến gặp ông V đòi tiền nợ nhưng ông V không trả. Tại phiên tòa, ông Q không yêu cầu ông V tiếp tục trả lãi từ tháng 5/2018 đến nay và đồng ý khấu trừ số tiền lãi mà ông V đã đóng vượt mức quy định trong 04 tháng vào vốn gốc. Ông Q yêu cầu ông V trả vốn vay là 19.740.030 đồng.

Qua xem xét biên nhận vay tiền đề ngày 16/01/2018 do ông Q cung cấp (bút lục 43) thấy rằng, hợp đồng vay giữa ông V với ông Q là tự nguyện, các bên tham gia giao dịch đủ năng lực hành vi, mục đích và nội dung của hợp đồng không trái quy định của pháp luật nên hợp đồng vay nêu trên là hợp pháp theo quy định tại các Điều 463, 465, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Trong quá trình thực hiện giao dịch vay, ông V không thực hiện nghĩa vụ đóng lãi nên đã gây thiệt hại cho quyền, lợi ích hợp pháp của ông Q. Ông V là người có lỗi và là người vi phạm hợp đồng nên phải chịu mọi hậu quả theo quy định của pháp luật.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông V, có nội dung ông Q khởi kiện đòi ông V trả số tiền vốn và lãi vay như trên, nhưng ông V không có văn bản trình bày ý kiến và cũng không phản đối những tình tiết, sự kiện do ông Q xuất trình, nên căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định ông V có vay tiền của ông Q 30.000.000 đồng vào ngày 16/01/2018, có đóng lãi

được một phần, hiện chưa trả vốn gốc, nên ông Q yêu cầu ông V trả số tiền còn nợ là phù hợp với quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đối với yêu cầu bị đơn trả lãi, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Q trình bày ông V đóng lãi được 04 tháng, mỗi tháng 3.000.000 đồng, tổng cộng 12.000.000 đồng, việc đóng lãi không có làm giấy, căn cứ lời thừa nhận của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định ông V đã đóng lãi cho ông Q 12.000.000 đồng. Xét thấy, tiền lãi bị đơn đã trả cho nguyên đơn trong 04 tháng với số tiền 12.000.000 đồng, theo lãi suất 10%/tháng là cao hơn mức lãi theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 là 20%/năm (tương đương 1,66%/tháng). Tại Điều 9 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn việc tính lãi *"số tiền lãi đã trả vượt quá mức lãi suất, lãi trên nợ gốc quá hạn, lãi trên nợ lãi quá hạn quy định được trừ vào số tiền nợ gốc tại thời điểm trả lãi"*.

Do vậy từ ngày vay 16/01/2018 đến ngày bị đơn ngưng đóng lãi là 04 tháng, số tiền lãi đã đóng mỗi tháng 3.000.000 đồng được tính như sau:

- Ngày 17/02/2018, bị đơn đóng lãi 3.000.000 đồng. Lãi suất bị đơn phải trả: 30.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 01 tháng = 498.000 đồng.

Khấu trừ vào tiền lãi bị đơn đã trả: 3.000.000 đồng – 498.000 đồng = 2.502.000 đồng. Số tiền này được trừ vào vốn gốc: 30.000.000 đồng – 2.502.000 = 27.498.000 đồng. Như vậy vốn gốc còn lại đến ngày 17/02/2018 là 27.498.000 đồng.

- Ngày 17/3/2018, bị đơn đóng lãi 3.000.000 đồng. Lãi suất bị đơn phải trả: 27.498.000 đồng x 1,66%/tháng x 01 tháng = 456.466 đồng.

Khấu trừ vào tiền lãi bị đơn đã trả: 3.000.000 đồng – 456.466 đồng = 2.543.534 đồng. Số tiền này được trừ vào vốn gốc: 27.498.000 đồng – 2.543.534 đồng = 24.954.466 đồng. Như vậy vốn gốc còn lại đến ngày 17/3/2018 là 24.954.466 đồng.

- Ngày 17/4/2018, bị đơn đóng lãi 3.000.000 đồng. Lãi suất bị đơn phải trả: 24.954.466 đồng x 1,66%/tháng x 01 tháng = 414.244 đồng.

Khấu trừ vào tiền lãi bị đơn đã trả: 3.000.000 đồng – 414.244 đồng = 2.585.756 đồng. Số tiền này được trừ vào vốn gốc: 24.954.466 đồng – 2.585.756 đồng = 22.368.710 đồng. Như vậy vốn gốc còn lại đến ngày 17/4/2018 là 22.368.710 đồng.

- Ngày 17/5/2018, bị đơn đóng lãi 3.000.000 đồng. Lãi suất bị đơn phải trả: 22.368.710 đồng x 1,66%/tháng x 01 tháng = 371.320 đồng.

Khấu trừ vào tiền lãi bị đơn đã trả: 3.000.000 đồng – 371.320 đồng = 2.628.680 đồng. Số tiền này được trừ vào vốn gốc: 22.368.710 đồng – 2.628.680 đồng = 19.740.030 đồng.

Như vậy vốn gốc còn lại đến ngày 17/5/2018 là 19.740.030 đồng.

Tại phiên tòa, ông Q chỉ yêu cầu ông V trả vốn vay là 19.740.030 đồng, sau khi đã khấu trừ số tiền lãi đã đóng vượt vào vốn gốc. Xét thấy việc nguyên đơn không yêu cầu bị đơn tiếp tục trả lãi là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, có lợi cho bị đơn và không trái với quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Từ những căn cứ nêu trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận; đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận là 19.740.030 đồng x 5% = 987.001 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 92, Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280, khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 9, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Quách Hoàng Q.

Buộc ông Thái Văn V trả cho ông Quách Hoàng Q số tiền vốn vay 19.740.030 đồng (Mười chín triệu, bảy trăm bốn mươi nghìn, không trăm ba mươi đồng).

Kể từ 06/7/2019 nếu ông Thái Văn V không thanh toán số tiền trên cho ông Quách Hoàng Q, thì ông Thái Văn V còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Thái Văn V phải chịu 987.001 đồng (Chín trăm tám mươi bảy nghìn không trăm lẻ một đồng) án phí sơ thẩm.

Ông Quách Hoàng Q không phải chịu án phí sơ thẩm, ông Q được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 828.750 đồng (Tám trăm hai mươi tám nghìn, bảy trăm năm mươi đồng), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002871, ngày 12/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

3/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ST (Phòng KTNV &THA)
- Đương sự;
- VKSND huyện Đ;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Chiêm Ngọc Linh